

Biểu mẫu 20

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ giảng viên cơ hữu năm học 2023-2024
(Kèm theo Công văn số: 1398 /ĐHBK-TCHC ngày 14 tháng 4 năm 2023)

A. Công khai thông tin về đội ngũ giảng viên cơ hữu

STT	Nội dung	Tổng Số	Chức danh		Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp		
			Giáo sư	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng	Trình độ khác	Hạng III	Hạng II	Hạng I
I	Tổng số	418	5	51	267	139	12	0	0	256	106	56
1	Giảng viên cơ hữu theo ngành											
a	Khối ngành I											
2	Sư phạm kỹ thuật công nghiệp	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
d	Khối ngành IV											
3	Công nghệ sinh học	14	0	0	10	3	1	0	0	12	2	0
	Khối ngành V											
4	Quản lý công nghiệp	18	0	1	11	7	0	0	0	11	6	1
5	Kỹ thuật hóa học	10	0	3	8	2	0	0	0	4	3	3
6	Công nghệ chế tạo máy	42	0	3	18	23	1	0	0	27	12	3
7	Kỹ thuật điện	30	1	5	26	4	0	0	0	12	12	6
8	Công nghệ thông tin	35	0	4	21	13	1	0	0	23	8	4
9	Kỹ thuật Ô tô	3	0	0	3	0	0	0	0	2	1	0
10	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	34	0	7	22	10	2	0	0	22	5	7
11	Công nghệ kỹ thuật vật liệu xây dựng	10	0	2	5	5	0	0	0	6	2	2
12	Kinh tế xây dựng	13	0	2	6	6	1	0	0	7	4	2
13	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	21	0	2	16	4	1	0	0	12	7	2

[illegible]

B. Công khai thông tin về danh sách chi tiết đội ngũ giảng viên cơ hữu theo khối ngành

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành giảng dạy
I.	Khối ngành IV					
1	Nguyễn Thị Đông Phương	1986	Nữ		Tiến sĩ	Công nghệ sinh học
2	Nguyễn Thị Minh Xuân	1985	Nữ		Tiến sĩ	Công nghệ sinh học
3	Nguyễn Hoàng Trung Hiếu	1986	Nam		Tiến sĩ	Công nghệ sinh học
4	Nguyễn Hoàng Minh	1984	Nữ		Tiến sĩ	Công nghệ sinh học
5	Bùi Viết Cường	1988	Nam		Thạc sĩ	Công nghệ sinh học
6	Phạm Thị Kim Thảo	1987	Nữ		Thạc sĩ	Công nghệ sinh học
7	Tạ Ngọc Ly	1983	Nam		Tiến sĩ	Công nghệ sinh học
8	Huỳnh Thị Thanh Thắng	1968	Nữ		Đại học	Công nghệ sinh học
9	Ngô Thái Bích Vân	1985	Nữ		Tiến sĩ	Công nghệ sinh học
10	Bùi Xuân Đông	1983	Nam		Tiến sĩ	Công nghệ sinh học
11	Lê Lý Thùy Trâm	1980	Nữ		Tiến sĩ	Công nghệ sinh học
12	Đoàn Thị Hoài Nam	1983	Nữ		Thạc sĩ	Công nghệ sinh học
13	Trịnh Lê Huyền	1991	Nam		Tiến sĩ	Công nghệ sinh học
14	Đoàn Ngọc Trà My	1991	Nữ		Tiến sĩ	Công nghệ sinh học
II.	Khối ngành V					
1	Phạm Nguyễn Quốc Huy	1985	Nam		Thạc sĩ	Công nghệ chế tạo máy
2	Ngô Phan Thu Hương	1986	Nữ		Thạc sĩ	Công nghệ chế tạo máy
3	Đỗ Lê Hưng Toàn	1988	Nam		Tiến sĩ	Công nghệ chế tạo máy
4	Trần Ngọc Hải	1980	Nam		Tiến sĩ	Công nghệ chế tạo máy
5	Lê Văn Dương	1992	Nam		Thạc sĩ	Công nghệ chế tạo máy
6	Nguyễn Bá Kiên	1984	Nam		Tiến sĩ	Công nghệ chế tạo máy
7	Phan Thanh Sơn	1987	Nam		Tiến sĩ	Công nghệ chế tạo máy
8	Nguyễn Thanh Bình	1986	Nam		Tiến sĩ	Công nghệ chế tạo máy
9	Trần Quang Khải	1991	Nam		Thạc sĩ	Công nghệ chế tạo máy
10	Mã Phước Hoàng	1982	Nam		Thạc sĩ	Công nghệ chế tạo máy
11	Huỳnh Đức Trí	1989	Nam		Thạc sĩ	Công nghệ chế tạo máy
12	Tào Quang Bằng	1983	Nam		Tiến sĩ	Công nghệ chế tạo máy
13	Trần Minh Sang	1985	Nam		Tiến sĩ	Công nghệ chế tạo máy
14	Nguyễn Phước Quý An	1985	Nữ		Tiến sĩ	Công nghệ chế tạo máy
15	Trần Văn Tiến	1977	Nam		Thạc sĩ	Công nghệ chế tạo máy
16	Trần Vũ Chi Mai	1989	Nữ		Tiến sĩ	Công nghệ chế tạo máy
17	Nguyễn Lê Minh	1983	Nam		Thạc sĩ	Công nghệ chế tạo máy
18	Nguyễn Đức Minh	1978	Nam		Đại học	Công nghệ chế tạo máy
19	Võ Chí Chính	1962	Nam	Phó giáo sư		Công nghệ chế tạo máy
20	Hoàng Văn Thạnh	1984	Nam		Tiến sĩ	Công nghệ chế tạo máy
21	Nguyễn Linh Giang	1983	Nam		Thạc sĩ	Công nghệ chế tạo máy
22	Nguyễn Phạm Thế Nhân	1983	Nam		Tiến sĩ	Công nghệ chế tạo máy
23	Nguyễn Tấn Minh	1978	Nam		Thạc sĩ	Công nghệ chế tạo máy

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành giảng dạy
24	Lưu Đức Bình	1980	Nam	Phó giáo sư		Công nghệ chế tạo máy
25	Đặng Xuân Thủy	1970	Nam		Thạc sĩ	Công nghệ chế tạo máy
26	Đinh Đức Hạnh	1991	Nam		Tiến sĩ	Công nghệ chế tạo máy
27	Ngô Phi Mạnh	1988	Nam		Thạc sĩ	Công nghệ chế tạo máy
28	Phan Thị Kim Thủy	1983	Nữ		Thạc sĩ	Công nghệ chế tạo máy
29	Hoàng Ngọc Ân	1984	Nam		Thạc sĩ	Công nghệ chế tạo máy
30	Phạm Văn Trung	1985	Nam		Tiến sĩ	Công nghệ chế tạo máy
31	Lê Công Tín	1991	Nam		Thạc sĩ	Công nghệ chế tạo máy
32	Hoàng Thắng	1988	Nam		Tiến sĩ	Công nghệ chế tạo máy
33	Đoàn Quốc Khoa	1978	Nam		Tiến sĩ	Công nghệ chế tạo máy
34	Nguyễn Đắc Lực	1957	Nam		Thạc sĩ	Công nghệ chế tạo máy
35	Bùi Trương Vỹ	1956	Nam		Thạc sĩ	Công nghệ chế tạo máy
36	Trần Minh Chính	1955	Nam		Thạc sĩ	Công nghệ chế tạo máy
37	Trần Xuân Tùy	1953	Nam	Phó giáo sư		Công nghệ chế tạo máy
38	Nguyễn Thanh Việt	1954	Nam		Thạc sĩ	Công nghệ chế tạo máy
39	Châu Mạnh Lực	1954	Nam		Thạc sĩ	Công nghệ chế tạo máy
40	Lưu Đức Hòa	1953	Nam		Thạc sĩ	Công nghệ chế tạo máy
41	Nguyễn Thế Tranh	1957	Nam		Thạc sĩ	Công nghệ chế tạo máy
42	Phạm Tiên Phong	1959	Nam		Thạc sĩ	Công nghệ chế tạo máy
43	Dương Thế Hy	1974	Nam		Tiến sĩ	Công nghệ dầu khí và khai thác dầu
44	Nguyễn Đình Minh Tuấn	1984	Nam		Tiến sĩ	Công nghệ dầu khí và khai thác dầu
45	Phạm Thị Đoan Trinh	1981	Nữ		Tiến sĩ	Công nghệ dầu khí và khai thác dầu
46	Trương Hữu Trì	1973	Nam	Phó giáo sư		Công nghệ dầu khí và khai thác dầu
47	Nguyễn Thị Diệu Hằng	1971	Nữ	Phó giáo sư		Công nghệ dầu khí và khai thác dầu
48	Nguyễn Thị Lan Anh	1988	Nữ		Tiến sĩ	Công nghệ dầu khí và khai thác dầu
49	Nguyễn Thị Thanh Xuân	1978	Nữ		Tiến sĩ	Công nghệ dầu khí và khai thác dầu
50	Lê Thị Như Ý	1961	Nữ		Tiến sĩ	Công nghệ dầu khí và khai thác dầu
51	Nguyễn Thị Phương Khuê	1984	Nữ		Thạc sĩ	Công nghệ kỹ thuật vật liệu xây dựng
52	Bạch Quốc Tiến	1969	Nam		Tiến sĩ	Công nghệ kỹ thuật vật liệu xây dựng
53	Đỗ Thị Phượng	1983	Nữ		Thạc sĩ	Công nghệ kỹ thuật vật liệu xây dựng
54	Trần Khắc Vĩ	1981	Nam		Thạc sĩ	Công nghệ kỹ thuật vật liệu xây dựng
55	Lê Văn Định	1963	Nam		Thạc sĩ	Công nghệ kỹ thuật vật liệu xây dựng
56	Đỗ Hữu Đạo	1980	Nam	Phó giáo sư		Công nghệ kỹ thuật vật liệu xây dựng
57	Trần Trung Việt	1985	Nam		Tiến sĩ	Công nghệ kỹ thuật vật liệu xây dựng
58	Nguyễn Lan	1971	Nam	Phó giáo sư		Công nghệ kỹ thuật vật liệu xây dựng
59	Trần Đình Minh	1982	Nam		Tiến sĩ	Công nghệ kỹ thuật vật liệu xây dựng
60	Phan Đức Tâm	1989	Nam		Thạc sĩ	Công nghệ kỹ thuật vật liệu xây dựng
61	Nguyễn Văn Nguyên	1974	Nam		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
62	Phạm Minh Tuấn	1982	Nam		Tiến sĩ	Công nghệ thông tin
63	Mai Văn Hà	1979	Nam		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
64	Trần Hồ Thủy Tiên	1973	Nữ		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
65	Đỗ Thị Tuyết Hoa	1975	Nữ		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành giảng dạy
66	Đặng Duy Thắng	1986	Nam		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
67	Lê Hồng Nam	1976	Nam		Đại học	Công nghệ thông tin
68	Nguyễn Dương Quang Chánh	1987	Nam		Tiến sĩ	Công nghệ thông tin
69	Hoàng Lê Uyên Thục	1971	Nữ		Tiến sĩ	Công nghệ thông tin
70	Phạm Công Thắng	1988	Nam		Tiến sĩ	Công nghệ thông tin
71	Đặng Hoài Phương	1986	Nam		Tiến sĩ	Công nghệ thông tin
72	Võ Đức Hoàng	1983	Nam		Tiến sĩ	Công nghệ thông tin
73	Đặng Thiên Bình	1983	Nam		Tiến sĩ	Công nghệ thông tin
74	Nguyễn Văn Hiệu	1982	Nam		Tiến sĩ	Công nghệ thông tin
75	Nguyễn Thế Xuân Ly	1980	Nam		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
76	Ninh Khánh Duy	1981	Nam		Tiến sĩ	Công nghệ thông tin
77	Lê Thị Xuân Thùy	1981	Nữ	Phó giáo sư		Công nghệ thông tin
78	Huỳnh Trung Mạnh	1989	Nam		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
79	Trương Ngọc Châu	1973	Nam		Tiến sĩ	Công nghệ thông tin
80	Nguyễn Tấn Khôi	1973	Nam	Phó giáo sư		Công nghệ thông tin
81	Nguyễn Thị Minh Hỷ	1973	Nữ		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
82	Bùi Thị Thanh Thanh	1988	Nữ		Tiến sĩ	Công nghệ thông tin
83	Nguyễn Thị Lệ Quyên	1991	Nữ		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
84	Nguyễn Thị Tú Trinh	1983	Nữ		Tiến sĩ	Công nghệ thông tin
85	Phạm Thị Kim Thoa	1981	Nữ	Phó giáo sư		Công nghệ thông tin
86	Nguyễn Công Danh	1990	Nam		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
87	Trần Thị Minh Hạnh	1985	Nữ		Tiến sĩ	Công nghệ thông tin
88	Lê Trần Đức	1989	Nam		Tiến sĩ	Công nghệ thông tin
89	Nguyễn Thị Thu Trang	1988	Nữ		Tiến sĩ	Công nghệ thông tin
90	Lê Thị Mỹ Hạnh	1975	Nữ		Tiến sĩ	Công nghệ thông tin
91	Nguyễn Chánh Tú	1965	Nam	Phó giáo sư		Công nghệ thông tin
92	Huỳnh Hữu Hưng	1975	Nam		Tiến sĩ	Công nghệ thông tin
93	Trương Thành	1959	Nam		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
94	Phan Thanh Tao	1962	Nam		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
95	Phan Chí Tùng	1961	Nam		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
96	Nguyễn Xuân Hoàng	1987	Nam		Thạc sĩ	Công nghệ thực phẩm
97	Mạc Thị Hà Thanh	1978	Nữ		Tiến sĩ	Công nghệ thực phẩm
98	Phạm Thị Hương	1985	Nữ		Tiến sĩ	Công nghệ thực phẩm
99	Huỳnh Đức	1963	Nam		Đại học	Công nghệ thực phẩm
100	Nguyễn Trần Phương Thảo	1981	Nữ		Tiến sĩ	Công nghệ thực phẩm
101	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	1988	Nữ		Thạc sĩ	Công nghệ thực phẩm
102	Lê Ngọc Trung	1964	Nam		Thạc sĩ	Công nghệ thực phẩm
103	Đặng Minh Nhật	1971	Nam	Phó giáo sư		Công nghệ thực phẩm
104	Trần Thị Ánh Tuyết	1986	Nữ		Thạc sĩ	Công nghệ thực phẩm
105	Nguyễn Thị Trúc Loan	1984	Nữ		Tiến sĩ	Công nghệ thực phẩm
106	Tạ Thị Tố Quyên	1979	Nữ		Tiến sĩ	Công nghệ thực phẩm
107	Đào Thị Anh Thư	1987	Nữ		Tiến sĩ	Công nghệ thực phẩm

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành giảng dạy
108	Nguyễn Thị Lê Thoa	1986	Nữ		Thạc sĩ	Công nghệ thực phẩm
109	Trần Thế Truyền	1961	Nam		Thạc sĩ	Công nghệ thực phẩm
110	Trương Thị Minh Hạnh	1960	Nữ	Phó giáo sư		Công nghệ thực phẩm
111	Nguyễn Dân	1959	Nam		Thạc sĩ	Công nghệ thực phẩm
112	Trương Phan Thiên An	1985	Nữ		Thạc sĩ	Kiến trúc
113	Lê Phong Nguyên	1984	Nam		Tiến sĩ	Kiến trúc
114	Lê Minh Sơn	1979	Nam		Tiến sĩ	Kiến trúc
115	Đặng Ngọc Thảo Linh	1995	Nữ		Thạc sĩ	Kiến trúc
116	Nguyễn Anh Tuấn	1978	Nam	Phó giáo sư		Kiến trúc
117	Trương Nguyễn Song Hạ	1988	Nữ		Thạc sĩ	Kiến trúc
118	Đỗ Hoàng Rong Ly	1985	Nữ		Thạc sĩ	Kiến trúc
119	Nguyễn Thị Hiền	1984	Nữ		Đại học	Kiến trúc
120	Nguyễn Xuân Trung	1980	Nam		Thạc sĩ	Kiến trúc
121	Nguyễn Văn Chính	1983	Nam	Phó giáo sư		Kiến trúc
122	Nguyễn Ngọc Bình	1970	Nam		Thạc sĩ	Kiến trúc
123	Phan Ánh Nguyên	1989	Nữ		Thạc sĩ	Kiến trúc
124	Trần Văn Tâm	1974	Nam		Thạc sĩ	Kiến trúc
125	Phạm Mỹ	1976	Nam		Tiến sĩ	Kiến trúc
126	Nguyễn Khánh Tứ	1982	Nam		Thạc sĩ	Kiến trúc
127	Lê Trương Di Hạ	1987	Nữ		Tiến sĩ	Kiến trúc
128	Đoàn Trần Hiệp	1976	Nam		Thạc sĩ	Kiến trúc
129	Lê Thị Kim Dung	1982	Nữ		Thạc sĩ	Kiến trúc
130	Nguyễn Hồng Ngọc	1971	Nam		Tiến sĩ	Kiến trúc
131	Vũ Phan Minh Trang	1989	Nữ		Thạc sĩ	Kiến trúc
132	Nguyễn Quang Tùng	1985	Nam		Tiến sĩ	Kiến trúc
133	Đặng Hưng Cầu	1963	Nam		Đại học	Kinh tế xây dựng
134	Vương Lê Thắng	1982	Nam		Tiến sĩ	Kinh tế xây dựng
135	Trần Thị Phương Anh	1981	Nữ		Thạc sĩ	Kinh tế xây dựng
136	Đỗ Minh Đức	1978	Nam		Thạc sĩ	Kinh tế xây dựng
137	Mai Anh Đức	1985	Nam		Tiến sĩ	Kinh tế xây dựng
138	Nguyễn Văn Hường	1978	Nam	Phó giáo sư		Kinh tế xây dựng
139	Nguyễn Thị Thảo Nguyên	1988	Nữ		Thạc sĩ	Kinh tế xây dựng
140	Phan Quang Vinh	1973	Nam		Thạc sĩ	Kinh tế xây dựng
141	Huỳnh Thị Minh Trúc	1984	Nữ		Tiến sĩ	Kinh tế xây dựng
142	Trương Quỳnh Châu	1987	Nữ		Thạc sĩ	Kinh tế xây dựng
143	Phạm Anh Đức	1976	Nam	Phó giáo sư		Kinh tế xây dựng
144	Hồ Thị Kiều Oanh	1985	Nữ		Thạc sĩ	Kinh tế xây dựng
145	Nguyễn Quang Trung	1982	Nam		Tiến sĩ	Kinh tế xây dựng
146	Trần Phước Thanh	1984	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật cơ điện tử
147	Phạm Anh Đức	1986	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật cơ điện tử
148	Võ Đình Trung	1976	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật cơ điện tử
149	Võ Trần Anh	1988	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật cơ điện tử

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành giảng dạy
150	Lê Hoài Nam	1986	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật cơ điện tử
151	Ngô Thanh Nghị	1983	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật cơ điện tử
152	Trần Đình Sơn	1972	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật cơ điện tử
153	Trần Minh Thông	1982	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật cơ điện tử
154	Đỗ Thế Cần	1984	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật cơ điện tử
155	Phạm Ngọc Tùng	1977	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật cơ điện tử
156	Đặng Phước Vinh	1985	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật cơ điện tử
157	Lê Phước Cường	1985	Nam	Phó giáo sư		Kỹ thuật cơ điện tử
158	Võ Diệp Ngọc Khôi	1985	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật cơ điện tử
159	Dương Tấn Quang	1988	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật cơ điện tử
160	Võ Như Thành	1983	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật cơ điện tử
161	Nguyễn Thị Kim Loan	1985	Nữ		Thạc sĩ	Kỹ thuật cơ điện tử
162	Phạm Duy Vũ	1974	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật cơ điện tử
163	Dương Gia Đức	1986	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật cơ điện tử
164	Lê Cung	1958	Nam	Phó giáo sư		Kỹ thuật cơ điện tử
165	Đinh Minh Diệm	1954	Nam	Phó giáo sư		Kỹ thuật cơ điện tử
166	Dương Thọ	1959	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật cơ điện tử
167	Nguyễn Độ	1958	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật cơ điện tử
168	Lê Văn Lược	1954	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật cơ điện tử
169	Ngô Văn Dũng	1961	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật cơ khí
170	Lê Minh Tiến	1980	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật cơ khí
171	Bùi Tuấn Việt Long	1986	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật cơ khí
172	Nguyễn Văn Quang	1988	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật cơ khí
173	Nguyễn Viết Thuận	1986	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật cơ khí
174	Đỗ Thị Kim Anh	1984	Nữ		Tiến sĩ	Kỹ thuật cơ khí
175	Nguyễn Thị Băng Tuyền	1981	Nữ		Tiến sĩ	Kỹ thuật cơ khí
176	Nguyễn Thu Hà	1982	Nữ		Thạc sĩ	Kỹ thuật cơ khí
177	Huỳnh Bá Vang	1977	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật cơ khí
178	Dương Đình Nghĩa	1988	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật cơ khí
179	Lê Minh Đức	1985	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật cơ khí
180	Võ Như Tùng	1985	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật cơ khí
181	Nguyễn Thị Huyền Trang	1988	Nữ		Thạc sĩ	Kỹ thuật cơ khí
182	Nguyễn Võ Đạo	1982	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật cơ khí
183	Võ Anh Vũ	1984	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật cơ khí
184	Đoàn Việt Lê	1985	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật cơ khí
185	Trương Ngọc Sơn	1992	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật cơ khí
186	Trần Văn Nam	1958	Nam	Giáo sư		Kỹ thuật cơ khí
187	Trịnh Xuân Long	1988	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật cơ khí
188	Nguyễn Quang Trung	1981	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật cơ khí
189	Dương Việt Dũng	1964	Nam	Phó giáo sư		Kỹ thuật cơ khí
190	Trần Thanh Hải Tùng	1962	Nam	Phó giáo sư		Kỹ thuật cơ khí
191	Phạm Quốc Thái	1982	Nam	Phó giáo sư		Kỹ thuật cơ khí

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành giảng dạy
192	Phạm Trường Thi	1988	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật cơ khí
193	Bùi Văn Ga	1957	Nam	Giáo sư		Kỹ thuật cơ khí
194	Nguyễn Xuân Sơn	1975	Nam		Đại học	Kỹ thuật cơ khí
195	Nguyễn Văn Quyền	1977	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật cơ khí
196	Nguyễn Minh Hải	1987	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật cơ sở hạ tầng
197	Nguyễn Duy Thảo	1978	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật cơ sở hạ tầng
198	Cao Văn Lâm	1982	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật cơ sở hạ tầng
199	Đinh Thị Như Thảo	1973	Nữ		Tiến sĩ	Kỹ thuật cơ sở hạ tầng
200	Hoàng Trọng Lâm	1983	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật cơ sở hạ tầng
201	Nguyễn Bình Nam	1988	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật điện
202	Phan Đình Chung	1980	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật điện
203	Nguyễn Văn Tấn	1978	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật điện
204	Phan Văn Hiền	1961	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật điện
205	Dương Minh Quân	1984	Nam	Phó giáo sư		Kỹ thuật điện
206	Nguyễn Thị Ái Nhi	1985	Nữ		Tiến sĩ	Kỹ thuật điện
207	Nguyễn Văn Cả	1985	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật điện
208	Hạ Đình Trúc	1976	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật điện
209	Nguyễn Tùng Lâm	1987	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật điện
210	Trịnh Trung Hiếu	1983	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật điện
211	Đoàn Anh Tuấn	1977	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật điện
212	Võ Quang Sơn	1980	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật điện
213	Nguyễn Thị Hà	1987	Nữ		Tiến sĩ	Kỹ thuật điện
214	Lê Kim Hùng	1957	Nam	Giáo sư		Kỹ thuật điện
215	Nguyễn Hồng Việt Phương	1984	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật điện
216	Hoàng Trần Thế	1986	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật điện
217	Ngô Văn Dưỡng	1961	Nam	Phó giáo sư		Kỹ thuật điện
218	Hoàng Hải	1970	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật điện
219	Lê Đình Dương	1981	Nam	Phó giáo sư		Kỹ thuật điện
220	Trần Anh Tuấn	1978	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật điện
221	Nguyễn Hồ Sĩ Hùng	1986	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật điện
222	Lê Hồng Lâm	1987	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật điện
223	Trần Văn Quang	1963	Nam	Phó giáo sư		Kỹ thuật điện
224	Lưu Ngọc An	1982	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật điện
225	Nguyễn Đình Huân	1972	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật điện
226	Phạm Văn Kiên	1979	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật điện
227	Lê Thành Bắc	1966	Nam	Phó giáo sư		Kỹ thuật điện
228	Trần Hà Quân	1990	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật điện
229	Bùi Tấn Lợi	1957	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật điện
230	Trần Vinh Tịnh	1955	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật điện
231	Nguyễn Công Hành	1988	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
232	Hồ Phước Tiến	1981	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
233	Tôn Nữ Huyền Trang	1981	Nữ		Thạc sĩ	Kỹ thuật điện tử - viễn thông

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành giảng dạy
234	Khương Thị Út Thương	1986	Nữ		Thạc sĩ	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
235	Lê Thị Phương Mai	1985	Nữ		Tiến sĩ	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
236	Dương Thị Hồng Phần	1983	Nữ		Tiến sĩ	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
237	Đào Duy Tuấn	1985	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
238	Phạm Văn Tuấn	1976	Nam	Phó giáo sư		Kỹ thuật điện tử - viễn thông
239	Nguyễn Lê Hùng	1978	Nam	Phó giáo sư		Kỹ thuật điện tử - viễn thông
240	Nguyễn Thị Anh Thư	1983	Nữ		Tiến sĩ	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
241	Thái Vũ Hiền	1981	Nữ		Thạc sĩ	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
242	Lê Quốc Huy	1981	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
243	Vũ Văn Thanh	1985	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
244	Thái Văn Tiến	1983	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
245	Nguyễn Trí Bằng	1993	Nam		Đại học	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
246	Huỳnh Việt Thắng	1980	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
247	Nguyễn Tấn Hưng	1980	Nam	Phó giáo sư		Kỹ thuật điện tử - viễn thông
248	Nguyễn Văn Tuấn	1963	Nam	Phó giáo sư		Kỹ thuật điện tử - viễn thông
249	Hồ Hồng Quyên	1987	Nữ		Tiến sĩ	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
250	Nguyễn Thế Lực	1974	Nam		Đại học	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
251	Nguyễn Văn Cường	1965	Nam	Phó giáo sư		Kỹ thuật điện tử - viễn thông
252	Tăng Anh Tuấn	1990	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
253	Nguyễn Hữu Lập Trường	1985	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
254	Trần Văn Líc	1991	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
255	Võ Duy Phúc	1988	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
256	Phạm Đình Long	1984	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
257	Bùi Thị Minh Tú	1981	Nữ	Phó giáo sư		Kỹ thuật điện tử - viễn thông
258	Nguyễn Thị Hồng Yến	1985	Nữ		Tiến sĩ	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
259	Nguyễn Văn Hiếu	1988	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
260	Phạm Cẩm Nam	1966	Nam	Phó giáo sư		Kỹ thuật điện tử - viễn thông
261	Huỳnh Thanh Tùng	1981	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
262	Ngô Minh Trí	1982	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
263	Nguyễn Văn Phòng	1965	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
264	Khương Công Minh	1954	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
265	Đinh Thành Việt	1970	Nam	Phó giáo sư		Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa
266	Nguyễn Kim Ánh	1981	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa
267	Nguyễn Khánh Quang	1983	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa
268	Trần Thái Anh Âu	1981	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa
269	Trương Thị Bích Thanh	1983	Nữ		Tiến sĩ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa
270	Trần Thị Minh Dung	1985	Nữ		Tiến sĩ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa
271	Nguyễn Lan Phương	1970	Nữ		Thạc sĩ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa
272	Lê Tiến Dũng	1981	Nam	Phó giáo sư		Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa
273	Nguyễn Quang Tân	1979	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa
274	Nguyễn Quốc Định	1973	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa
275	Ngô Đình Thanh	1981	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành giảng dạy
276	Trần Đình Khôi Quốc	1973	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa
277	Nguyễn Thị Ngọc Giao	1991	Nữ		Tiến sĩ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa
278	Giáp Quang Huy	1983	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa
279	Trần Thị Minh Phương	1987	Nữ		Tiến sĩ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa
280	Nguyễn Lê Hoà	1979	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa
281	Nguyễn Thị Thanh Quỳnh	1993	Nữ		Tiến sĩ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa
282	Nguyễn Thị Kim Trúc	1985	Nữ		Tiến sĩ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa
283	Nguyễn Hoàng Mai	1969	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa
284	Mai Thị Thuỳ Dương	1985	Nữ		Thạc sĩ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa
285	Nguyễn Quang Chung	1982	Nam		Đại học	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa
286	Nguyễn Văn Thiên Ân	1982	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật hệ thống công nghiệp
287	Nguyễn Đình Sơn	1981	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật hệ thống công nghiệp
288	Thái Bá Chiến	1982	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật hệ thống công nghiệp
289	Phạm Ngọc Quang	1989	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật hệ thống công nghiệp
290	Vũ Thị Hạnh	1981	Nữ		Tiến sĩ	Kỹ thuật hệ thống công nghiệp
291	Hồ Viết Thắng	1983	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật hóa học
292	Phan Thị Thúy Hằng	1974	Nữ		Tiến sĩ	Kỹ thuật hóa học
293	Phan Thế Anh	1982	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật hóa học
294	Võ Thị Thu Hiền	1990	Nữ		Thạc sĩ	Kỹ thuật hóa học
295	Nguyễn Đình Lâm	1966	Nam	Phó giáo sư		Kỹ thuật hóa học
296	Huỳnh Phương Nam	1978	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật hóa học
297	Đoàn Thị Thu Loan	1971	Nữ	Phó giáo sư		Kỹ thuật hóa học
298	Nguyễn Văn Dũng	1962	Nam	Phó giáo sư		Kỹ thuật hóa học
299	Võ Công Tuấn	1986	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật hóa học
300	Nguyễn Minh Hoàng	1987	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật hóa học
301	Phan Trần Đăng Khoa	1985	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật máy tính
302	Nguyễn Duy Nhật Viễn	1974	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật máy tính
303	Lê Hoàng Sơn	1986	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật máy tính
304	Nguyễn Quang Như Quỳnh	1979	Nữ		Tiến sĩ	Kỹ thuật máy tính
305	Võ Tuấn Minh	1982	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật máy tính
306	Hồ Viết Việt	1961	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật máy tính
307	Nguyễn Thị Ngọc Yến	1985	Nữ		Tiến sĩ	Kỹ thuật môi trường
308	Đoàn Thụy Kim Phương	1981	Nữ		Tiến sĩ	Kỹ thuật môi trường
309	Nguyễn Tiến Dũng	1989	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật môi trường
310	Phan Hoàng Nam	1985	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật môi trường
311	Lê Năng Định	1979	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật môi trường
312	Đỗ Quang Trung	1982	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật môi trường
313	Đỗ Việt Hải	1982	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật môi trường
314	Thái Ngọc Sơn	1964	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật nhiệt
315	Nguyễn Quốc Huy	1986	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật nhiệt
316	Trần Văn Vang	1961	Nam	Phó giáo sư		Kỹ thuật nhiệt
317	Huỳnh Ngọc Hùng	1974	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật nhiệt

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành giảng dạy
318	Đào Ngọc Cường	1990	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật nhiệt
319	Bùi Thị Hương Lan	1979	Nữ		Thạc sĩ	Kỹ thuật nhiệt
320	Phan Đức Trọng	1991	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật nhiệt
321	Trần Thanh Sơn	1972	Nam	Phó giáo sư		Kỹ thuật nhiệt
322	Trần Thị Mỹ Linh	1985	Nữ		Đại học	Kỹ thuật nhiệt
323	Nguyễn Thành Văn	1965	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật nhiệt
324	Lê Thị Châu Duyên	1981	Nữ		Thạc sĩ	Kỹ thuật nhiệt
325	Hoàng Dương Hùng	1967	Nam	Phó giáo sư		Kỹ thuật nhiệt
326	Nguyễn Thành Phương	1996	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật nhiệt
327	Phan Minh Đức	1969	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật Ô tô
328	Phan Thành Long	1985	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật Ô tô
329	Nguyễn Việt Hải	1979	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật Ô tô
330	Nguyễn Văn Minh	1989	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật tàu thủy
331	Trần Văn Luận	1978	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật tàu thủy
332	Nguyễn Văn Triều	1984	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật tàu thủy
333	Nguyễn Tiến Thừa	1985	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật tàu thủy
334	Nguyễn Ngọc Tân	1987	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật tàu thủy
335	Võ Ngọc Dương	1985	Nam	Phó giáo sư		Kỹ thuật xây dựng công trình thủy
336	Nguyễn Thanh Hải	1985	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy
337	Lê Văn Thảo	1984	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy
338	Vũ Huy Công	1983	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy
339	Tô Thúy Nga	1971	Nữ		Tiến sĩ	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy
340	Lê Xuân Quang	1987	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật XD - CN Xây dựng DD&CN
341	Trần Quang Hưng	1979	Nam	Phó giáo sư		Kỹ thuật XD - CN Xây dựng DD&CN
342	Ngô Thanh Vũ	1990	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật XD - CN Xây dựng DD&CN
343	Mai Chánh Trung	1970	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật XD - CN Xây dựng DD&CN
344	Nguyễn Hoàng Vĩnh	1975	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật XD - CN Xây dựng DD&CN
345	Lê Hùng	1980	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật XD - CN Xây dựng DD&CN
346	Đặng Công Thuật	1981	Nam	Phó giáo sư		Kỹ thuật XD - CN Xây dựng DD&CN
347	Lê Văn Hợi	1963	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật XD - CN Xây dựng DD&CN
348	Trương Hoài Chính	1958	Nam	Phó giáo sư		Kỹ thuật XD - CN Xây dựng DD&CN
349	Nguyễn Quang Bình	1989	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật XD - CN Xây dựng DD&CN
350	Nguyễn Công Luyến	1989	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật XD - CN Xây dựng DD&CN
351	Nguyễn Chí Công	1975	Nam	Phó giáo sư		Kỹ thuật XD - CN Xây dựng DD&CN
352	Đoàn Viết Long	1986	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật XD - CN Xây dựng DD&CN
353	Châu Trường Linh	1974	Nam	Phó giáo sư		Kỹ thuật XD - CN Xây dựng DD&CN
354	Nguyễn Thế Hùng	1957	Nam	Giáo sư		Kỹ thuật XD - CN Xây dựng DD&CN
355	Đinh Ngọc Hiếu	1988	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật XD - CN Xây dựng DD&CN
356	Lê Trần Minh Đạt	1989	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật XD - CN Xây dựng DD&CN
357	Lê Vũ An	1985	Nữ		Thạc sĩ	Kỹ thuật XD - CN Xây dựng DD&CN
358	Phạm Lý Triều	1989	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật XD - CN Xây dựng DD&CN
359	Châu Ngọc Bảo	1990	Nam		Đại học	Kỹ thuật XD - CN Xây dựng DD&CN

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành giảng dạy
360	Nguyễn Khánh Linh	1972	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật XD - CN Xây dựng DD&CN
361	Nguyễn Tấn Hưng	1966	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật XD - CN Xây dựng DD&CN
362	Lê Anh Tuấn	1982	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật XD - CN Xây dựng DD&CN
363	Vũ Thị Tánh	1984	Nữ		Thạc sĩ	Kỹ thuật XD - CN Xây dựng DD&CN
364	Nguyễn Thạc Vũ	1973	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật XD - CN Xây dựng DD&CN
365	Phạm Ngọc Vinh	1989	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật XD - CN Xây dựng DD&CN
366	Bùi Quang Hiếu	1984	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật XD - CN Xây dựng DD&CN
367	Nguyễn Xuân Toàn	1967	Nam	Phó giáo sư		Kỹ thuật XD - CN Xây dựng DD&CN
368	Nguyễn Ngọc Hậu	1987	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật XD - CN Xây dựng DD&CN
369	Võ Nguyễn Đức Phước	1988	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật XD - CN Xây dựng DD&CN
370	Trịnh Quang Thịnh	1968	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật XD - CN Xây dựng DD&CN
371	Phan Cẩm Vân	1982	Nữ		Thạc sĩ	Kỹ thuật XD - CN Xây dựng DD&CN
372	Trần Thanh Bình	1985	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật XD - CN Xây dựng DD&CN
373	Hoàng Phương Tùng	1982	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật XD công trình giao thông
374	Võ Duy Hùng	1986	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật XD công trình giao thông
375	Phạm Ngọc Phương	1984	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật XD công trình giao thông
376	Hồ Mạnh Hùng	1983	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật XD công trình giao thông
377	Nguyễn Văn Mỹ	1971	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật XD công trình giao thông
378	Nguyễn Phước Quý Duy	1982	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật XD công trình giao thông
379	Nguyễn Văn Tê Rôn	1985	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật XD công trình giao thông
380	Hoàng Phương Hoa	1963	Nam	Giáo sư		Kỹ thuật XD công trình giao thông
381	Nguyễn Thanh Cường	1980	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật XD công trình giao thông
382	Nguyễn Thị Phương Uyên	1985	Nữ		Tiến sĩ	Quản lý công nghiệp
383	Nguyễn Đặng Hoàng Thư	1984	Nữ		Tiến sĩ	Quản lý công nghiệp
384	Hồ Dương Đông	1983	Nam		Thạc sĩ	Quản lý công nghiệp
385	Ngô Ngọc Tri	1985	Nam		Tiến sĩ	Quản lý công nghiệp
386	Nguyễn Hồng Nguyên	1992	Nam		Thạc sĩ	Quản lý công nghiệp
387	Phan Đình Hào	1970	Nam		Tiến sĩ	Quản lý công nghiệp
388	Lê Thị Kim Oanh	1966	Nữ	Phó giáo sư		Quản lý công nghiệp
389	Đỗ Thanh Huyền	1985	Nữ		Tiến sĩ	Quản lý công nghiệp
390	Lê Ngọc Quyết	1986	Nam		Tiến sĩ	Quản lý công nghiệp
391	Đàm Nguyễn Anh Khoa	1986	Nam		Tiến sĩ	Quản lý công nghiệp
392	Lê Thị Huỳnh Anh	1993	Nữ		Thạc sĩ	Quản lý công nghiệp
393	Nguyễn Thị Cúc	1989	Nữ		Thạc sĩ	Quản lý công nghiệp
394	Vũ Hoàng Trí	1989	Nam		Thạc sĩ	Quản lý công nghiệp
395	Huỳnh Nhật Tổ	1981	Nam		Tiến sĩ	Quản lý công nghiệp
396	Phạm Thị Trang	1983	Nữ		Tiến sĩ	Quản lý công nghiệp
397	Nguyễn Thị Thu Thủy	1967	Nữ		Thạc sĩ	Quản lý công nghiệp
398	Võ Đức Hoàng	1971	Nam		Thạc sĩ	Quản lý công nghiệp
399	Trần Thị Hoàng Giang	1987	Nữ		Tiến sĩ	Quản lý công nghiệp
III.	Khối ngành VII					

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành giảng dạy
1	Phạm Văn Ngọc	1987	Nam		Tiến sĩ	Quản lý tài nguyên & môi trường
2	Phan Như Thúc	1970	Nam		Tiến sĩ	Quản lý tài nguyên & môi trường
3	Nguyễn Thanh Hào	1982	Nam		Tiến sĩ	Quản lý tài nguyên & môi trường
4	Lê Khánh Toàn	1967	Nam		Tiến sĩ	Quản lý tài nguyên & môi trường
5	Phạm Thành Hưng	1984	Nam		Tiến sĩ	Quản lý tài nguyên & môi trường

C. Công khai tỷ lệ sinh viên/giảng viên quy đổi

II	Khối ngành	Tỷ lệ Sinh viên/Giảng viên cơ hữu quy đổi
1	Khối ngành I	x
2	Khối ngành II	x
3	Khối ngành III	x
4	Khối ngành IV	14,73
5	Khối ngành V	17,88
6	Khối ngành VI	x
7	Khối ngành VII	17,90

Đà Nẵng, ngày 14 tháng 4 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Nguyễn Hữu Hiếu